TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-4-2022
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm.

Ông Lê Quốc Thới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước - tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị D, sinh năm: 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn Bà Trịnh Thị Dtrình bày:*

- Về hôn nhân: Bà D và ông L qua thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương ngày 19 tháng 02 năm 1990, đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không cò, nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Công Văn – sinh năm 1990, hiện nay Lê Công Văn đã trưởng thành đang sống chung với bà D, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ thu: Bà D trình bày vợ chồng có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Lê Văn L được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L không tham gia và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà D yêu cầu ly hôn.

** Tại phiên tòa:*

- Bà Trịnh Thị D trình bày: Bà D yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Văn L. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ thu: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Lê Văn L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn L được triệu tập hợp lệ xét xử lần 2 nhưng ông L vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng đến chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo lời trình bày của bà D thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, do bà D và ông L sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị D và ông Lê Văn L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Công Văn - sinh năm 1990, hiện nay Lê Công Văn đã trưởng thành nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định, buộc chị Trịnh Thị D phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trịnh Thị D và ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Công Văn, sinh năm 1991 đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Trịnh Thị D phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007642 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, bà D đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn